

Bản án số: 80/2017/DS-ST

Ngày: 22-9-2017

V/v: “T/c hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phương Tích

2 Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST-DS ngày 18/7/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐST - DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2017/QĐST - DS ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ ấp 3, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Võ Quốc D, sinh năm 1955; địa chỉ ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị C sinh năm 1965; địa chỉ ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2017, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào ngày 10/4/2011, ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị C có giao kết với ông hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thú y thủy sản tôm sú.... Khi giao kết hợp đồng, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, với nội dung thỏa thuận như sau: bao trọn ba tháng sau của một vụ nuôi tôm toàn bộ thức ăn, thuốc thú y thủy sản...; thời điểm thanh toán cho từng vụ nuôi là sau khi thu tôm. Sau khi giao kết, hai bên

tiến hành thực hiện hợp đồng. Đến ngày 14/4/2012, hai bên tổng kết số tiền ông D và bà C còn nợ lại là 37.360.000 đồng, không tính lãi suất và ông D xác nhận nợ trên bằng văn bản lập vào cuối năm 2016. Sau đó, mặc dù ông nhiều lần yêu cầu nhưng ông D và bà C vẫn cố tình vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nay ông khởi kiện yêu cầu ông D và bà C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là 37.360.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Võ Quốc D trình bày:

Ông thừa nhận vào ngày 10/4/2011, ông và bà C có thỏa thuận bằng lời nói mua thức ăn, thuốc thú y thủy sản tôm sú... của ông H. Nội dung thỏa thuận: bao trọn ba tháng sau của một vụ nuôi tôm toàn bộ thức ăn, thuốc thú y thủy sản... và sẽ thanh toán tiền ngay sau khi thu tôm. Sau khi giao kết, hai bên tiến hành thực hiện theo hợp đồng đã thỏa thuận. Đến năm 2014, hai bên không còn mua bán với nhau. Và tại thời điểm này, ông nhớ chỉ còn nợ số tiền khoảng 22.000.000 đồng chứ không phải 37.360.000 đồng như trình bày của ông H. Về biên nhận nợ số tiền 37.360.000 đồng được lập vào cuối năm 2016, ông thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên trong văn bản trên là chữ ký, chữ viết của ông, khi ký có bà C chứng kiến. Tuy nhiên, văn bản trên là do ông H viết sẵn, ông ký và viết tên nhưng không có nghe và đọc lại. Do đó, nay ông chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền còn nợ là 22.000.000 đồng vào năm 2019 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà đồng ý với trình bày của ông D về thời điểm, hình thức và những nội dung thỏa thuận liên quan đến hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thú y thủy sản tôm sú.. giữa vợ chồng bà và ông H. Về chữ ký, chữ viết trong biên nhận nợ số tiền 37.360.000 đồng được lập vào cuối năm 2016, bà xác nhận là chữ ký, chữ viết của ông D, khi ông D ký tên có bà chứng kiến. Tuy nhiên, văn bản trên là do ông H viết sẵn, ông D ký, viết họ và tên nhưng không có đọc lại. Nay bà không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông H bởi bà không rõ số tiền vợ chồng bà hiện còn nợ lại là bao nhiêu.

Tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn Văn H giữ nguyên trình bày, yêu cầu.
- Ông Võ Quốc D vắng mặt không lý do.
- Bà Nguyễn Thị C có đơn vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thể hiện việc từ chối thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 430, 440 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông D và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền 37.360.000 đồng. Lỗi suất thi hành án sẽ được giải quyết theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Từ các lời trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng ông Võ Quốc D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của ông H về việc yêu cầu ông D và bà C liên đới trả số tiền 37.360.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy. Mặc dù việc giao kết hợp đồng mua bán thức ăn, thuốc thú y thủy sản tôm sú.... giữa hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, nhưng được theo dõi qua sổ ghi chép của hai bên. Và trong quá trình tố tụng, ông D và bà C hoàn toàn thừa nhận vào năm 2011 đã tự nguyện giao kết hợp đồng trên với ông H. Tính đến ngày 14/4/2014, khi ông H tổng kết nợ, ông D có ký tên vào biên nhận xác nhận số tiền còn nợ là 37.360.000 đồng. Bên cạnh đó, căn cứ vào trình bày của ông D, bà C và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù ông D và bà C không có đăng ký kết hôn nhưng đã chung sống với nhau từ năm 1980 đến nay, nên vẫn được xem là hôn nhân thực tế. Và số tiền còn nợ xuất phát từ việc ông D và bà C cùng tự nguyện giao kết hợp đồng mua bán với ông H, việc đánh bắt thủy sản là nghề nghiệp và nguồn thu nhập chính của gia đình. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc ông D mặc dù thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ số tiền 37.360.000 đồng nhưng lại cho rằng tính đến năm 2014 chỉ còn nợ ông H số tiền 22.000.000 đồng là không có căn cứ, bởi không có chứng cứ để chứng minh. Ngoài ra việc ông D yêu cầu được trả số tiền trên vào năm 2019 không được ông H đồng ý và xét yêu cầu trên không phù hợp quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí DS-ST có giá ngạch (37.360.000đ x 5%): 1.868.000đ (một triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp

nhận nên ông D và bà C phải liên đới nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 357, 430, 440, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 37.360.000đ (ba mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận việc ông D yêu cầu trả số tiền trên vào năm 2019.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Võ Quốc D và bà Nguyễn Thị C phải liên đới nộp số tiền 1.868.000đ (một triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 934.000đ (chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007390 ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên

